

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	14 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, thay đổi số đăng ký kinh doanh theo mã số doanh nghiệp là 0102307343 và tăng vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 9 năm 2017 thay đổi địa điểm đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.35738555
- Fax : 024.38564666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Phi	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Loan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2013
Ông Đào Tiến Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Duy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Ngô Văn Tĩnh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Ngô Thị Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	09 tháng 4 năm 2008
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	20 tháng 9 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 10 năm 2011
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	25 tháng 02 năm 2014
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 4 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Kim Ngọc Nhân
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2018



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trung Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 2.0242/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2018-008-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2014-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.089.740.662	221.016.334.893
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.772.410.854	18.157.241.050
1. Tiền	111		11.772.410.854	7.657.241.050
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.950.867.874	5.445.814.720
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	4.950.867.874	5.445.814.720
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.409.303.530	80.048.366.368
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	79.561.451.702	44.101.559.127
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.735.253.040	7.085.072.223
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	3.450.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	47.860.710.819	56.473.309.453
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(37.198.112.031)	(27.611.574.435)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		48.637.132.457	107.235.410.532
1. Hàng tồn kho	141	V.8	48.637.132.457	107.235.410.532
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.320.025.947	10.129.502.223
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.506.220.448	2.391.381.129
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.813.805.499	7.738.121.094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		194.598.965.168	120.120.081.339
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.073.302.995	40.280.539.555
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	16.073.302.995	39.021.739.555
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	-	1.258.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		51.216.507.329	14.233.623.883
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	38.168.274.483	14.080.023.541
<i>Nguyên giá</i>	222		54.478.375.498	32.620.454.787
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.310.101.015)	(18.540.431.246)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	13.048.232.846	153.600.342
<i>Nguyên giá</i>	228		13.163.033.000	247.455.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(114.800.154)	(93.854.658)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		125.602.210.380	65.236.871.684
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	106.754.570.000	62.954.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	13.200.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(1.081.211.164)	(803.401.192)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	6.728.851.544	3.085.702.876
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.706.944.464	369.046.217
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.706.944.464	369.046.217
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		371.688.705.830	341.136.416.232

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		181.116.363.819	152.225.547.761
I. Nợ ngắn hạn	310		170.519.287.394	145.601.457.326
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	80.502.607.804	69.220.500.076
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	37.958.900.412	27.804.664.466
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.762.459.570	1.248.330.504
4. Phải trả người lao động	314		9.651.996.427	9.331.510.149
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.693.643.009	719.403.291
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	56.426.328	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.928.638.001	1.930.499.615
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	32.841.364.531	34.023.297.913
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.123.251.312	1.323.251.312
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.597.076.425	6.624.090.435
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	7.533.019.311	6.624.090.435
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		75.235.114	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	2.988.822.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.572.342.011	188.910.868.471
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	190.572.342.011	188.910.868.471
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.000.000.000	172.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(211.950.000)	(211.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.922.215.574	4.827.939.835
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.862.076.437	12.294.878.636
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.200.602.897	12.294.878.636
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.661.473.540	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		371.688.705.830	341.136.416.232

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	326.189.674.505	189.122.505.345
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		326.189.674.505	189.122.505.345
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	297.563.561.882	159.967.965.020
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.626.112.623	29.154.540.325
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.601.680.883	2.924.847.155
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.595.337.558	4.254.146.625
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.473.048.731	2.497.267.725
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	21.272.081.938	22.917.047.789
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.360.374.010	4.908.193.066
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.973.103.670	382.900.961
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.917.195.274	3.171.084.517
13. Lợi nhuận khác	40		55.908.396	(2.788.183.556)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.416.282.406	2.120.009.510
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.754.808.866	1.032.703.220
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.661.473.540</u>	<u>1.087.306.290</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2018



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.416.282.406	2.120.009.510
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.510.889.990	5.039.500.999
- Các khoản dự phòng	03	9.864.347.568	10.898.750.999
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	(118.868.028)	(41.629.359)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(841.450.905)	(1.658.892.780)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	1.473.048.731	2.497.267.725
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.304.249.762	18.855.007.094
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.012.118.164)	(22.094.212.161)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	58.598.278.075	(35.329.563.588)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	22.168.140.659	25.636.377.435
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.452.737.566)	4.159.565.081
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.445.464.757)	(2.504.012.835)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(1.400.082.563)	(5.761.988.469)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.20	(200.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	86.560.265.446	(17.038.827.443)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(50.849.531.196)	(1.506.392.205)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22 VI.7	5.512.774.251	2.865.454.541
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.772.422.506)	(16.260.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.174.220.684	39.574.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(43.800.000.000)	(21.818.970.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	976.561.563	2.854.783.941
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(94.758.397.204)	5.688.876.281

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.19	87.795.551.800	82.231.791.766
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.19	(85.988.663.182)	(94.314.479.998)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(17.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.806.888.618	(29.282.688.232)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(6.391.243.140)	(40.632.639.392)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	18.157.241.050	58.787.051.446
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.412.944	2.828.996
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	11.772.410.854	18.157.241.050

Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường TKV	Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông, Việt Nam	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty TNHH CM Xây dựng (*)	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp và Thương mại	0%	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*)	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Xây lắp và Thương mại	0%	79,69%	69,67%
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Số 47/10 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ	62,26%	62,26%	62,26%

(*) Công ty TNHH CM Xây dựng và Công ty Cổ phần CM Thành Đông là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, theo đó các công ty này là công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Số 32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	23,32%	23,32%	23,32%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 259 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 331 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng Công ty mở tài khoản.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty mở tài khoản.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}$$

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nhận diện thương hiệu

Nguyên giá của nhận diện thương hiệu bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.325.158.516	868.248.254
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.447.252.338	6.788.992.796
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	10.500.000.000
Cộng	<u>11.772.410.854</u>	<u>18.157.241.050</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	4.950.867.874	4.950.867.874	5.445.814.720	5.445.814.720
Tiền gửi có kỳ hạn	4.950.867.874	4.950.867.874	5.445.814.720	5.445.814.720
Dài hạn	6.728.851.544	6.728.851.544	3.085.702.876	3.085.702.876
Tiền gửi có kỳ hạn	2.168.851.544	2.168.851.544	3.085.702.876	3.085.702.876
Trái phiếu	4.560.000.000	4.560.000.000	-	-
Cộng	11.679.719.418	11.679.719.418	8.531.517.596	8.531.517.596

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	106.754.570.000	(1.081.211.164)	62.954.570.000	(803.401.192)
Công ty Cổ phần CM	21.030.000.000	(408.080.505)	21.030.000.000	(803.401.192)
Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾	41.924.570.000	-	41.924.570.000	-
Công ty Cổ phần Xây	43.800.000.000	(673.130.659)	-	-
lắp Môi trường - TKV ⁽ⁱⁱ⁾	13.200.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần CM	13.200.000.000	-	-	-
Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên	13.200.000.000	-	-	-
doanh, liên kết	13.200.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư	13.200.000.000	-	-	-
và hạ tầng Vietin ^(iv)	-	-	-	-
Cộng	119.954.570.000	(1.081.211.164)	62.954.570.000	(803.401.192)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103039377 ngày 24 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại) 21.030.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa thực hiện thay đổi được Giấy phép đăng ký kinh doanh về loại hình doanh nghiệp.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 4 năm 2017, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV 41.924.570.000, tương đương 68,44% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201758312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 06 tháng 9 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 01 năm 2018, số vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 là 66.100.000.000 VND. Số vốn công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần CM Nha Trang (CM Nha Trang) là 43.800.000.000 VND, tương đương với 66,26% điều lệ thực góp của CM Nha Trang.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Trong năm, Công ty đã mua 1.320.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và hạ tầng Vietin với giá trị mua là 13.200.000.000 VND chiếm tỷ lệ 23,32% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	803.401.192	-
Trích lập dự phòng bổ sung	673.130.659	803.401.192
Hoàn nhập dự phòng	(395.320.687)	-
Số cuối năm	<u>1.081.211.164</u>	<u>803.401.192</u>

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại</i>		
Mua hàng hóa, vật tư của Công ty con	7.976.060.911	3.907.365.450
Cho Công ty con thuê văn phòng	-	54.204.544
Trả lại hàng mua của Công ty con	972.694.909	-
Vay của Công ty con	1.466.000.000	2.500.000.000
Lãi vay phải trả Công ty con	-	31.608.514
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường-TKV</i>		
Mua hàng hóa, vật tư của Công ty con	1.661.942.623	-
Mua cổ phần của các cổ đông khác	-	21.818.970.000
Chi phí thi công xây lắp cho Công ty con	12.286.470.314	4.637.449.137
Cho Công ty con thuê máy móc, thiết bị	5.144.129.974	-
Doanh thu xây lắp thi công cho Công ty con	-	7.893.043.069
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng, xe, máy móc thiết bị	5.451.428.571	900.000.000
Doanh thu bán vật tư, thiết bị cho Công ty con	1.590.223.996	-
Vay tiền của Công ty con	19.000.000.000	-
Mượn tiền của Công ty con	-	2.000.000.000
Trả lại tiền đã mượn Công ty con	-	2.000.000.000
Cho Công ty con mượn tiền	-	12.800.000.000
Thu hồi tiền đã cho Công ty con mượn	-	12.800.000.000
Chi phí lãi vay phải trả công ty con	171.106.137	-
<i>Công ty TNHH CM Xây dựng</i>		
Thanh toán tiền sản lượng thi công	-	403.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần CM Nha Trang</i>		
Góp vốn vào Công ty con	39.200.000.000	-
Mua cổ phần của các cổ đông khác	4.600.000.000	-
Cho Công ty con vay	3.450.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần CM Thành Đông</i>		
Vay của Công ty con	330.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	673.502.100
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV		673.502.100
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	79.561.451.702	43.428.057.027
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng cầu đường Sài Gòn	11.842.568.480	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	8.219.169.047	15.376.487.348
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	13.927.265.023	5.906.047.298
Công ty TNHH MTV than Khe Chàm - Vinacomín	1.195.948.350	6.873.352.793
Công ty SK Engineering and Construction	37.255.180.018	8.219.646.035
Các khách hàng khác	7.121.320.784	7.052.523.553
Cộng	<u>79.561.451.702</u>	<u>44.101.559.127</u>
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	16.073.302.995	39.021.739.555
Công ty SK Engineering and Construction	-	12.129.708.772
Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	7.081.782.000	5.772.774.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	-	8.021.217.725
Ban Quản lý Dự án Bồi thường, Hỗ trợ tái định cư và Xây dựng Hệ thống Kênh mương Công trình thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang	3.500.000.000	3.500.000.000
Các khách hàng khác	5.491.520.995	9.598.039.058
Cộng	<u>16.073.302.995</u>	<u>39.021.739.555</u>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	11.735.253.040	7.085.072.223
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	-	3.837.592.759
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kỹ thuật Abel Việt Nam	-	1.771.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	-	1.157.099.717
Công ty Cổ phần Điện lạnh và Xây lắp Việt Nam	8.388.218.540	-
Các nhà cung cấp khác	3.347.034.500	319.379.747
Cộng	<u>11.735.253.040</u>	<u>7.085.072.223</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản cho Công ty Cổ phần CM Nha Trang vay với lãi suất 0%/năm.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.748.411.382	-	1.861.225.349	-
Ông Kim Ngọc Nhân – Ứng trước tiền lương	1.244.400.000	-	1.346.270.868	-
Ông Dương Ngọc Trường - Ứng trước tiền lương	61.500.000	-	282.697.090	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV - Tiền chi hộ	442.040.781	-	232.257.391	-
Ông Phạm Thế Phương - Ứng trước tiền lương.	470.601	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	46.112.299.437	(29.945.377.877)	54.612.084.104	(21.540.049.741)
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	406.701.190	-	475.317.429	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.144.999.319	-	15.277.615.520	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên – Tiền lãi vay, tiền chi hộ	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam – Tiền chi hộ	12.610.656.272	(6.305.328.136)	12.610.656.272	-
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	(2.100.000.000)	3.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.709.892.915	-	1.708.445.142	-
Cộng	47.860.710.819	(29.945.377.877)	56.473.309.453	(21.540.049.741)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định.

7. Nợ xấu

Toàn bộ các khoản nợ xấu đều là nợ phải thu của các tổ chức, cá nhân không phải bên liên quan phát sinh từ các năm trước.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		46.175.254.356	8.977.142.325		30.564.598.084	2.953.023.649
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Trên 3 năm	21.540.049.741	-	Trên 3 năm	21.540.049.741	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	Trên 3 năm	2.267.704.120	-	Trên 3 năm	2.267.704.120	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	Trên 3 năm	704.446.925	-	Trên 3 năm	704.446.925	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Việt Hoa	Trên 3 năm	62.500.000	-	Trên 3 năm	62.500.000	-
Công ty Cổ phần Anh Cao	Trên 3 năm	55.850.000	-	Trên 3 năm	55.850.000	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	Trên 3 năm	28.000.000	-	Trên 3 năm	28.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.906.047.298	1.771.814.189	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.906.047.298	2.953.023.649
Công ty TNHH MTV Cavico khai thác mỏ Quảng Ninh	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.000.000.000	900.000.000			
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Từ 1 đến dưới 2 năm	12.610.656.272	6.305.328.136		-	-
Cộng		46.175.254.356	8.977.142.325		30.564.598.084	2.953.023.649

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	27.611.574.435	17.516.224.628
Trích lập dự phòng bổ sung	9.586.537.596	10.095.349.807
Số cuối năm	37.198.112.031	27.611.574.435

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.587.080.214	-	62.481.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.195.453.646	-	5.880.371.184	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.656.567.597	-	101.132.306.080	-
Thành phẩm	-	-	160.252.268	-
Hàng gửi đi bán	198.031.000	-	-	-
Cộng	48.637.132.457	-	107.235.410.532	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAMĐịa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.392.322.677	1.380.689.398
Chi phí xuất nhập cảnh lao động	550.703.378	-
Phí bảo lãnh	349.990.936	470.504.949
Chi phí sửa chữa tài sản	72.338.500	260.064.281
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	140.864.957	280.122.501
Cộng	<u>2.506.220.448</u>	<u>2.391.381.129</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.401.038.925	359.446.217
Các chi phí trả trước dài hạn khác	305.905.539	9.600.000
Cộng	<u>1.706.944.464</u>	<u>369.046.217</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	22.407.540.094	9.767.005.845	445.908.848	32.620.454.787
Mua trong năm	-	17.365.459.390	3.546.091.636	841.818.182	21.753.369.208
Đầu tư XD CB hoàn thành	14.087.784.756	-	-	316.310.142	14.404.094.898
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.483.770.550)	(5.815.772.845)	-	(14.299.543.395)
Số cuối năm	<u>14.087.784.756</u>	<u>31.289.228.934</u>	<u>7.497.324.636</u>	<u>1.604.037.172</u>	<u>54.478.375.498</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	4.066.917.420	438.600.000	411.908.848	4.917.426.268
Chờ thanh lý					

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	14.786.037.567	3.346.171.708	408.221.971	18.540.431.246
Khấu hao trong năm	160.389.944	4.743.410.640	1.490.702.143	95.441.767	6.489.944.494
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.120.683.977)	(1.599.590.748)	-	(8.720.274.725)
Số cuối năm	<u>160.389.944</u>	<u>12.408.764.230</u>	<u>3.237.283.103</u>	<u>503.663.738</u>	<u>16.310.101.015</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	-	7.621.502.527	6.420.834.137	37.686.877	14.080.023.541
Số cuối năm	<u>13.927.394.812</u>	<u>18.880.464.704</u>	<u>4.260.041.533</u>	<u>1.100.373.434</u>	<u>38.168.274.483</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.371.161.681 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	209.455.000	38.000.000	247.455.000
Mua trong năm	12.915.578.000	-	-	12.915.578.000
Số cuối năm	12.915.578.000	209.455.000	38.000.000	13.163.033.000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	38.000.000	38.000.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	55.854.658	38.000.000	93.854.658
Khấu hao trong năm	-	20.945.496	-	20.945.496
Số cuối năm		76.800.154	38.000.000	114.800.154
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	153.600.342	-	153.600.342
Số cuối năm	12.915.578.000	132.654.846	-	13.048.232.846
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	794.545.454	(794.545.454)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	14.404.094.898	(14.404.094.898)	-
Công trình tòa nhà văn phòng	-	14.404.094.898	(14.404.094.898)	-
Cộng	-	15.198.640.352	(15.198.640.352)	-

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	31.583.132.011	9.850.569.183
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV	23.402.991.253	4.101.194.052
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và thương mại	2.593.435.048	162.669.421
Phải trả các nhà cung cấp khác	48.919.475.793	59.369.930.893
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Trung Hải	-	25.749.712.711
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	11.571.574.975	2.586.373.842
Các nhà cung cấp khác	31.309.074.866	24.995.018.388
Cộng	80.502.607.804	69.220.500.076

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13b. Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	7.533.019.311	6.624.090.435
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	2.979.182.278
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2.401.825.000	2.401.825.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát	1.132.301.645	126.482.172
Các nhà cung cấp khác	1.019.710.388	1.116.600.985
Cộng	<u>7.533.019.311</u>	<u>6.624.090.435</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	37.958.900.412	27.804.664.466
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Hud Sài Gòn	-	6.799.894.000
Ban quản lý dự án Quản lý thiên tai (WB5) tỉnh Bình Định	4.852.376.000	-
Duglas Alliance	4.378.000.000	4.378.000.000
Hazama Ando Corporation	18.341.532.936	-
Công ty SK Engineering and Construction	10.386.991.476	7.953.918.365
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	-	8.672.852.101
Cộng	<u>37.958.900.412</u>	<u>27.804.664.466</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	354.080.455	(354.080.455)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	176.652.559	(176.652.559)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	12.373.992	(12.373.992)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.032.703.220	4.122.249.209	(1.400.082.563)	3.754.869.866
Thuế thu nhập cá nhân	215.627.284	536.905.155	(372.684.751)	379.847.688
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	627.742.016	-	627.742.016
Cộng	<u>1.248.330.504</u>	<u>5.833.003.386</u>	<u>(2.318.874.320)</u>	<u>4.762.459.570</u>

(*) Trong năm, Công ty phát sinh thêm khoản thuế TNDN năm 2016 nộp bổ sung cho dự án Xenamnoy tại Lào là 367.440.343 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.416.282.406	2.120.009.510
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.780.078.120	4.011.015.852
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí khấu hao TSCĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng	462.855.705	682.360.354
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	-	175.932.056
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp tiền thuế, BHXH	929.652.158	1.380.486.042
Chênh lệch chi phí thuế nộp tại Lào	367.440.343	276.000.000
Chênh lệch tỷ giá đánh giá các tài khoản tiền, các khoản phải thu năm 2016	-	248.146.185
Chênh lệch công nợ theo biên bản đối chiếu công nợ hạch toán vào chi phí khác	-	619.551.982
Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu năm 2015	-	628.539.233
Chênh lệch BHXH với thông báo không rõ nguyên nhân	337.858.371	
Thù lao thành viên HĐQT không tham gia điều hành	40.500.000	
Chi phí không hợp lệ khác	18.751.350	
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu năm 2017	(128.833.622)	-
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu năm 2016	(248.146.185)	
Thu nhập chịu thuế	7.196.360.526	6.131.025.362
Thu nhập được miễn thuế		(967.509.260)
Thu nhập tính thuế	7.196.360.526	5.163.516.102
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.439.272.105	1.032.703.220
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	2.315.536.761	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.754.808.866	1.032.703.220

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.693.643.009	719.403.291
Chi phí lãi vay phải trả	106.138.305	78.554.331
Trích trước chi phí công trình	1.587.504.704	640.848.960
Cộng	<u>1.693.643.009</u>	<u>719.403.291</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là tiền nhận trước về cho thuê lán trại văn phòng tại Ngàn Trươi.

17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là tiền nhận trước về cho thuê lán trại văn phòng tại Ngàn Trươi.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.928.638.001	1.930.499.615
Kinh phí công đoàn	197.372.730	262.926.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	502.753.819	251.138.705
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	915.766.996	1.114.930.426
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	312.744.456	301.504.484
Cộng	<u>1.928.638.001</u>	<u>1.930.499.615</u>

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	2.361.471.321	2.139.471.321
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾	2.034.471.321	2.139.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông ⁽ⁱ⁾	327.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	30.479.893.210	31.883.826.592
Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ⁽ⁱⁱ⁾	-	15.655.207.185
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.759.434.925	15.895.286.407
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình ^(iv)	1.942.854.318	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch I ^(v)	20.895.595.967	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	1.882.008.000	333.333.000
Cộng	<u>32.841.364.531</u>	<u>34.023.297.913</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Là các khoản vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/năm, không xác định thời hạn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 04 tháng hoặc 05 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình để thanh toán các khoản lương phải trả cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch I để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản lương cho cán bộ công nhân viên, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Tăng khác do đánh giá CLTG cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	31.550.493.592	51.206.162.569	-	15.672.666	(54.174.443.617)	28.597.885.210
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.139.471.321	20.796.000.000	-	-	(20.574.000.000)	2.361.471.321
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	10.477.389.231	-	-	(10.477.389.231)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	333.333.000	-	1.882.008.000	-	(333.333.000)	1.882.008.000
Cộng	34.023.297.913	82.479.551.800	1.882.008.000	15.672.666	(85.559.165.848)	32.841.364.531

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	2.988.822.000	2.988.822.000	-	-
Vay dài hạn ngân hàng				
Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình ⁽ⁱ⁾	1.412.822.000	1.412.822.000	-	-
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾	1.576.000.000	1.576.000.000	-	-
Cộng	2.988.822.000	2.988.822.000	-	-

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu theo từng khế ước từ 7,69% - 8%, thả nổi trong các năm tiếp

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

theo. Thời hạn của khoản vay 02 đến 03 năm theo từng khế ước kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp với lãi suất cố định năm đầu 9%, thả nổi trong các năm tiếp theo. Thời hạn của khoản vay là 03 năm kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thế chấp.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn trong năm nay như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.882.008.000	333.334.668
Trên 1 năm đến 5 năm	2.988.822.000	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>4.870.830.000</u>	<u>333.334.668</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	5.316.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	(445.170.000)
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.882.008.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	<u>2.988.822.000</u>
Số cuối năm	<u>2.988.822.000</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	857.610.520	-	-	857.610.520
Quỹ phúc lợi	465.640.792	-	(200.000.000)	265.640.792
Cộng	<u>1.323.251.312</u>	<u>-</u>	<u>(200.000.000)</u>	<u>1.123.251.312</u>

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	172.000.000.000	(211.950.000)	3.881.309.836	29.483.202.345	205.152.562.181
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.087.306.290	1.087.306.290
Trích lập các quỹ	-	-	946.629.999	(946.629.999)	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(17.200.000.000)	(17.200.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(129.000.000)	(129.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>172.000.000.000</u>	<u>(211.950.000)</u>	<u>4.827.939.835</u>	<u>12.294.878.636</u>	<u>188.910.868.471</u>
Số dư đầu năm nay	172.000.000.000	(211.950.000)	4.827.939.835	12.294.878.636	188.910.868.471
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	1.661.473.540	1.661.473.540
Trích lập các quỹ	-	-	94.275.739	(94.275.739)	-
Số dư cuối năm nay	<u>172.000.000.000</u>	<u>(211.950.000)</u>	<u>4.922.215.574</u>	<u>13.862.076.437</u>	<u>190.572.342.011</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.200.000	17.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	17.200.000	17.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 như sau:

VND

Trích quỹ đầu tư phát triển : 94.275.739

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	104.038,59	12.655,37
Kíp Lào (LAK)	1.441.962,40	1.147.366,20
Baht Thái Lan (THB)	5.125,00	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.972.092.255	-
Doanh thu bán thành phẩm	-	737.800.090
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.556.130.765	1.183.957.911
Doanh thu hợp đồng xây dựng	318.661.451.485	187.200.747.434
Cộng	<u>326.189.674.505</u>	<u>189.122.505.345</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.881.391.057	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	359.235.410
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.340.100.340	3.311.278.688
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	292.342.070.485	156.297.450.922
Cộng	<u>297.563.561.882</u>	<u>159.967.965.020</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	907.945.324	1.177.937.586
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.514.150	34.425.875
Lãi tiền cho vay	-	73.819.375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	967.509.260
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	571.353.381	629.525.700
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	118.868.028	41.629.359
Cộng	<u>1.601.680.883</u>	<u>2.924.847.155</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.473.048.731	2.497.267.725
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.842.578.855	952.546.525
Dự phòng dự phòng tổn thất đầu tư	277.809.972	803.401.192
Chi phí tài chính khác	1.900.000	931.183
Cộng	<u>3.595.337.558</u>	<u>4.254.146.625</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.205.140.736	6.409.347.381
Chi phí vật liệu quản lý	-	293.333.333
Chi phí đồ dùng văn phòng	299.267.759	854.190.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.060.696.485	1.830.525.402
Thuế, phí và lệ phí	341.513.297	300.685.992
Dự phòng phải thu khó đòi	9.586.537.596	10.095.349.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.778.926.065	3.133.615.200
Cộng	<u>21.272.081.938</u>	<u>22.917.047.789</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng cấp đầu	-	60.786.900
Thu phí bảo hiểm được hoàn	34.767.193	97.014.473
Thu từ vận chuyển thiết bị từ Việt Nam sang Lào	-	116.026.700
Tiền thu từ bán vật tư	1.919.021.764	-
Thu nhập khác	19.314.713	109.072.888
Cộng	<u>1.973.103.670</u>	<u>382.900.961</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	66.494.419	560.373.441
<i>Thu từ thanh lý</i>	<i>5.512.774.251</i>	<i>2.865.454.546</i>
<i>Giá trị còn lại tài sản thanh lý</i>	<i>5.579.268.670</i>	<i>3.425.827.987</i>
Chi phí cung cấp dầu	-	57.604.162
Chênh lệch BHXH với thông báo không rõ nguyên nhân	337.858.371	203.249.678
Các khoản tiền phạt thuế, truy thu thuế	926.343.158	1.177.236.364
Chi phí thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài không được khấu trừ	367.440.343	276.000.000
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	157.250.000	-
Chi phí khác	61.808.983	896.620.872
Cộng	<u>1.917.195.274</u>	<u>3.171.084.517</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.550.964.633	62.312.258.404
Chi phí nhân công	64.478.256.132	74.656.163.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.510.889.990	4.736.722.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.627.374.810	64.394.443.112
Chi phí khác	16.192.419.772	10.895.752.451
Cộng	<u>255.359.905.337</u>	<u>216.995.339.272</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Phụ cấp chi trả cho HĐQT	150.000.000	138.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban Tổng Giám đốc		
Vay Bà Đinh Thị Thủy	-	3.160.000.000
Trả lại tiền vay Bà Đinh Thị Thủy		3.160.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 2.801.650.451 VND (năm trước là 1.809.240.000 VND).

1b. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần CM Nha Trang	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Hạ tầng Vietin	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.6a, V.13a và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. **Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực ngoài nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	213.412.396.443	112.777.278.062	326.189.674.505
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	213.412.396.443	112.777.278.062	326.189.674.505
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.564.106.044	14.062.006.579	28.626.112.623
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(21.272.081.938)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.354.030.685
Doanh thu hoạt động tài chính			1.601.680.883
Chi phí tài chính			(3.595.337.558)
Thu nhập khác			1.973.103.670
Chi phí khác			(1.917.195.274)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.754.808.866)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.661.473.540
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27.262.167.102	10.879.889.543	38.142.056.645
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.851.939.849	4.305.644.433	7.157.584.282
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	97.728.946.731	91.393.558.614	189.122.505.345
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.728.946.731	91.393.558.614	189.122.505.345
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.232.415.594	5.922.124.731	29.154.540.325
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(22.917.047.789)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.237.492.536
Doanh thu hoạt động tài chính			2.924.847.155
Chi phí tài chính			(4.254.146.625)
Thu nhập khác			382.900.961
Chi phí khác			(3.171.084.517)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.032.703.220)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.087.306.290
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.721.967.959	291.727.273	6.013.695.232
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.559.931.826	76.649.317	6.636.581.143

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>154.345.935.131</u>	<u>42.529.479.545</u>	196.875.414.676
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>8.919.817.443</u>	<u>8.341.580.315</u>	17.261.397.758
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			157.551.893.396
Tổng tài sản			<u><u>371.688.705.830</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>100.041.225.957</u>	<u>25.953.301.570</u>	125.994.527.527
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>24.378.081.152</u>	<u>22.797.744.815</u>	47.175.825.967
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			7.946.010.325
Tổng nợ phải trả			<u><u>181.116.363.819</u></u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>169.419.979.664</u>	<u>42.041.344.314</u>	211.461.323.978
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>1.587.571.619</u>	<u>1.326.456.069</u>	2.914.027.688
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			126.761.064.566
Tổng tài sản			<u><u>341.136.416.232</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>91.061.359.064</u>	<u>12.587.895.913</u>	103.649.254.977
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>24.011.771.529</u>	<u>20.062.439.824</u>	44.074.211.353
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			4.502.081.431
Tổng nợ phải trả			<u><u>152.225.547.761</u></u>

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa, thành phẩm.
- Lĩnh vực Dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lĩnh vực xây lắp	318.643.678.757	187.200.747.434
Lĩnh vực thương mại	1.989.864.983	737.800.000
Lĩnh vực dịch vụ	5.556.130.765	1.183.957.911
Cộng	<u><u>326.189.674.505</u></u>	<u><u>189.122.505.345</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân



**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BTC ngày 05/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính Hợp năm 2017 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam trước và sau kiểm toán.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2017 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam trước và sau kiểm toán.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam xin giải trình:

(i) Chênh lệch báo cáo tài chính năm 2017 trước và sau kiểm toán như sau:

Nội dung	Loại báo cáo	Hợp nhất	Công ty mẹ	Ghi chú
Doanh thu thuần	Sau kiểm toán	434.413.669.667	326.189.674.505	
	Trước kiểm toán	434.413.663.888	326.189.674.505	
Tăng/giảm		5.779	0	
% tăng/giảm		0%	0%	
Lợi nhuận sau thuế	Sau kiểm toán	5.707.640.645	1.661.473.540	
	Trước kiểm toán	5.687.789.880	1.641.622.818	
Tăng		19.850.765	19.850.722	
% tăng		0.35%	1.21%	

(ii) Chênh lệch giữa lũy kế năm 2017 theo báo cáo tài chính quý IV và báo cáo tài chính năm trước kiểm toán như sau:

Nội dung	Loại báo cáo	Hợp nhất	Công ty mẹ	Ghi chú
Doanh thu thuần	Lũy kế năm theo báo cáo quý IV đã công bố	434.413.663.888	326.189.674.505	
	BC năm trước kiểm toán	434.413.663.888	326.189.674.505	
Tăng/giảm		0	0	
% tăng/giảm		0%	0%	
Lợi nhuận sau thuế	Lũy kế năm theo báo cáo quý IV đã công bố	667.001.004	-3.856.915.965	
	BC năm trước kiểm toán	5.687.789.880	1.641.622.818	
Tăng/giảm		5.020.788.876	5.498.538.783	
% tăng/giảm		752.74%	-142.56%	

Nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch trên chủ yếu do:

Sau thời điểm công bố báo cáo quý IV năm 2017, Đơn vị điều chỉnh 1 bút toán hạch toán trùng chi phí của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Việt Anh có giá trị là 976.893.636



đồng, đồng thời đơn vị ghi nhận 1 bút toán ghi giảm giá trị trích trước chi phí phải trả Công ty CP thương mại đầu tư Trường Phát số tiền 5.865.909.653 đồng theo biên bản thanh lý hợp đồng ký ngày 08/02/2018.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

Him Ngọc Nhân



Số: 30 /CV-CMS 2018
V/v: Giải trình chênh lệch KQKD năm 2017
so với cùng kỳ năm trước

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BTC ngày 05/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ vào báo cáo tài chính Hợp nhất quý II/2017 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (CM Vietnam).
- Căn cứ vào báo cáo tài chính công ty mẹ quý II/2017 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (CM Vietnam).

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam xin giải trình về kết quả SXKD năm 2017 so với cùng kỳ năm trước như sau:

Nội dung	Kỳ báo cáo	Hợp nhất	Công ty mẹ	Ghi chú
Doanh thu thuần	Năm 2017	434.413.669.667	326.189.674.505	
	Năm 2016	347.871.269.145	189.122.505.345	
Tăng		86.542.400.522	137.067.169.160	
% tăng		25%	72%	
Lợi nhuận sau thuế	Năm 2017	5.707.640.645	1.661.473.540	
	Năm 2016	2.802.561.222	1.087.306.290	
Tăng		2.905.079.423	574.167.250	
% tăng		104%	53%	

Trong năm 2017, Công ty mẹ có doanh thu tăng 72% so với cùng kỳ, giá vốn tăng 86% dẫn đến lợi nhuận sau thuế chỉ tăng 53%. Hợp nhất trong kỳ doanh thu tăng 25% và chi phí bán hàng giảm 90%, chi phí tài chính giảm 22% dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng 104%.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP